

Bản án số: 469/2019/DS-ST

Ngày: 25/10/2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khưu Hán Quang.

2. Bà Bùi Thụy Thanh Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2019/TLST-DS ngày 28/6/2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-DS ngày 16/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐST-DS ngày 09/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần xxxx (XX Bank); địa chỉ trụ sở: x Láng Hạ, phường xx, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Tầng x, số x đường Cao Thắng, Phường x, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Minh T là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 27295/2019/UQ-PGĐK ngày 06/8/2019).

Ông Nguyễn Văn M có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Lương H, sinh năm 1962; địa chỉ: x đường 3/2, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện được nộp vào ngày 04/6/2019 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/02/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần xxxx (gọi tắt là XXBank) đã cho bà Lương H vay số tiền là 74.550.000 đồng theo Giấy đăng ký vay tiêu

dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số 20170216-0004357 cùng ngày, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất vay: 38%/năm cố định trong suốt thời gian vay, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay mua đồ gia dụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã thanh toán cho XXBank tổng số tiền là 55.926.667 đồng, trong đó nợ gốc là 26.654.089 đồng và tiền lãi là 29.272.578 đồng. Từ ngày 19/4/2018 đến nay bà H hoàn toàn không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Tính đến ngày 25/10/2019, bà H còn nợ số tiền nợ gốc là 47.895.911 đồng và tiền lãi quá hạn là 45.185.616 đồng, tổng cộng bà H còn nợ XX bank là 93.081.527 (Chín mươi ba triệu không trăm tám mươi một nghìn năm trăm hai mươi bảy) đồng. Vì vậy, XXBank yêu cầu bà Lương H có nghĩa vụ trả cho XXBank số tiền 93.081.527 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bà Lương H còn phải tiếp tục thanh toán cho XXBank số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân mà bà H đã ký với Ngân hàng kể từ ngày 26/10/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

* Tại bản tự khai ngày 16/7/2019 bị đơn bà Lương H trình bày:

Bà xác nhận có ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số 20170216-0004357 ngày 14/02/2017 với XXBank. Hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền 93.081.527 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 47.895.911 đồng và tiền lãi quá hạn là 45.185.616 đồng đúng như đại diện Ngân hàng đã trình bày. Nay bà buôn bán rất khó khăn, bà xin Ngân hàng đồng ý để bà trả hàng tháng cho đến hết số tiền trên. Bà H yêu cầu được trả dần nợ cho XXBank nhưng không nêu rõ sẽ trả hàng tháng số tiền là bao nhiêu

Tại phiên tòa, đại diện XXBank ông Nguyễn Văn M yêu cầu Tòa án buộc bà Lương H phải thanh toán ngay số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 25/10/2019 là 93.081.527 đồng, trong đó, số tiền nợ gốc là 47.895.911 đồng, tiền lãi quá hạn là 45.185.616 đồng và yêu cầu bà H tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 26/10/2019 cho đến khi bà H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số 20170216-0004357 ngày 14/02/2017.

Bị đơn bà Lương H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện yêu cầu bà Lương H trả số tiền còn nợ, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Lương H hiện vẫn đang cư trú tại Quận 11. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35,

Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn ở Quận 11 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lương H vắng mặt lần 2 tại phiên tòa dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

3.1 Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 47.895.911 đồng:

Căn cứ Giấy đăng ký vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số 20170216-0004357 ngày 14/02/2017 giữa XXBank và bà Lương H, căn cứ vào Bản tự khai của bà Lương H lập ngày 16/7/2019 xác nhận có ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng với XXBank và bà H đã nhận đủ số tiền vay. Căn cứ Bản tự khai nêu trên, Bà H cũng đã thừa nhận còn thiếu XXBank tổng cộng số tiền 93.081.527 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định bà H đã vay 74.550.000 đồng của XXBank nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Vì vậy, xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 47.895.911 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

3.2 Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán khoản tiền lãi quá hạn tính từ ngày 19/4/2018 đến ngày 25/10/2019 là 45.185.616 đồng:

Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”* và căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng thì: *“Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn”*.

Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đến ngày 19/4/2019, XXBank chuyển nợ gốc sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà H thanh toán số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 19/4/2018 đến ngày 25/10/2019 với số tiền 45.185.616 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Bà Lương H phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 228, 244, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 22 Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ- NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13, Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần xxxx (XXBank) về việc yêu cầu bà Lương H trả nợ.

2. Buộc bà Lương H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần xxxx (XXBank) số tiền còn nợ tính đến ngày 25/10/2019 là 93.081.527 (Chín mươi ba triệu không trăm tám mươi một nghìn năm trăm hai mươi bảy) đồng, trong đó, số tiền nợ gốc là 47.895.911 đồng, tiền lãi quá hạn là 45.185.616 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Lương H có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc tính từ ngày 26/10/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số 20170216-0004357 ngày 14/02/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần xxxx và bà Lương H.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lương H phải chịu án phí là 4.654.076 (Bốn triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi sáu) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần xxxx số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.981.988 (Một triệu chín trăm tám mươi một nghìn chín trăm tám mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0010290 ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mỹ Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mỹ Duyên

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mỹ Duyên

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 30 tháng 8 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Như Sương;

2. Bà Bùi Thụy Thanh Thảo.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 69/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín; địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đức Thắng là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 1386/2018/UQ-TTT ngày 19/12/2018).

2. *Bị đơn*: Ông Huỳnh Thanh Trung, sinh năm 1985; địa chỉ: 150 đường Thái Phiên, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín về việc yêu cầu ông Huỳnh Thanh Trung trả nợ.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Buộc ông Huỳnh Thanh Trung có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền còn nợ tính đến ngày 30/8/2019 là 25.325.480 đồng (Hai mươi lăm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi đồng), trong đó, số tiền nợ gốc là 7.535.684 đồng, tiền lãi quá hạn là 17.789.796 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Huỳnh Thanh Trung có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 31/8/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 25/10/2011 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín với ông Huỳnh Thanh Trung.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Thanh Trung phải chịu án phí là 1.266.274 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 554.760 đồng (Năm trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009645 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 8 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mỹ Duyên